

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 138/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Ông Hoàng Sĩ Quang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị S**, sinh năm 1986

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được chị S ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Bà Trần Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị S** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Hữu T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/01/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm sau đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do

tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, anh chị không tin tưởng lẫn nhau trong việc quản lý chi tiêu kinh tế trong gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Năm 2020 chị đi lao động tại Đài Loan - Trung Quốc, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau, thỉnh thoảng chị liên lạc về gia đình nhưng cũng chỉ để hỏi thăm về con cái. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/9/2008 và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2012. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trà M, giao con chung Nguyễn Hải Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị đang lao động tại Đài Loan-Trung Quốc nên chị ủy quyền cho bà Trần Thị L thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chăm sóc cháu Nguyễn Trà M trong thời gian chị ở nước ngoài. Chị nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai, anh Nguyễn Hữu T trình bày: Về điều kiện, hoàn cảnh, thời gian kết hôn như chị S đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2019 thì chị S đi lao động tại Đài Loan-Trung Quốc, từ đó vợ chồng ít liên lạc và không quan tâm đến nhau, vợ chồng xa cách mỗi người một nơi, tình cảm lạnh nhạt dần. Nay chị S có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị S trình bày là đúng. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Anh đề nghị giải quyết việc cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của chị S và anh T là cháu Nguyễn Trà M có nguyện vọng được ở với chị S và ông bà ngoại; cháu Nguyễn Hải Đ có nguyện vọng được ở với anh T.

Người được chị S ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà Trần Thị L trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của chị S, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho chị S biết, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị được giải quyết vắng mặt. Bà nhất trí việc nuôi cháu Nguyễn Trà M trong thời gian chị S ở nước ngoài.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Trần Thị S ly hôn anh Nguyễn Hữu T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Trà M cho chị S nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hải Đ cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng; Các bên không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết. Chị S phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị S có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan-Trung Quốc; bị đơn anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ cư trú tại thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị S không có mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép chị đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Trần Thị L nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Giấy ủy quyền của chị đã được UBND xã T xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị S giao nộp đúng là ý chí, nguyện vọng của chị S. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị S và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 22/01/2007 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời trình bày của chị S, anh T, có đủ cơ sở xác định trong cuộc sống chị S và anh T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị không tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn về kinh tế, bất đồng về quan điểm, lối sống và tính cách nên không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 chị S đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng ít liên lạc, không quan tâm và sống ly thân nhau. Nay chị S xin ly hôn, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị S được ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/9/2008 hiện đang sinh sống cùng ông bà ngoại và Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2012 hiện đang sinh sống cùng anh T. HĐXX xét thấy anh T có nguyện

vọng được nuôi cả hai con, tuy nhiên hiện nay con chung Nguyễn Trà M đang sinh sống, học tập ổn định tại gia đình chị S và cháu có nguyện vọng được ở với chị S. Để tạo điều kiện cho các con chung của anh chị có cuộc sống ổn định, tránh sự xáo trộn làm ảnh hưởng tâm lý của con chung chưa thành niên, do vậy cần giao cho chị S nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trà M, tạm giao cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng trong thời gian chị S ở nước ngoài. Giao con chung Nguyễn Hải Đ cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Như vậy là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của các con chung, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S, anh T cùng xác định không có và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị S là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị S** ly hôn anh **Nguyễn Hữu T**.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Hữu T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 07/11/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cho chị Trần Thị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 12/9/2008 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Các đương sự không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Trần Thị S, anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tạm giao cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trà M - sinh ngày 12/9/2008 trong thời gian chị Trần Thị S ở nước ngoài.

3. Về án phí: Chị Trần Thị S phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân và gia đình), được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0001653 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Trần Thị L nộp thay).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; anh Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân